TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S-TP Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DSST
Ngày: 12/6/2025
V/v: "*Tranh chấp đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

2. Ông Nguyễn Kim Thành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Toà án nhân dân quận S, thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số B H, quận S, thành phố Đ tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025.

* ***Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Minh N**, sinh năm: 2003, Địa chỉ: số B, đường I phường L, thành phố T, thành phố H. Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Thanh P, sinh năm; 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh T (theo giấy ủy quyền ngày 12/4/2025 tại Văn phòng công chứng N). Có mặt.

* ***Bị đơn***:

- Ông **Lê Minh H**, sinh năm: 1976; Địa chỉ: tổ C, phường T, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Ông **Lê Minh H1**, sinh năm: 2004; Địa chỉ: tổ C, phường T, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

- Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1962 và bà **Huỳnh Phương M**, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2 đường I, phường L, thành phố T, thành phố H. Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn H2, sinh năm; 1977. Địa chỉ: tổ H, phường A, quận T, thành phố Đ (theo giấy ủy quyền ngày 12/4/2025 tại Văn phòng công chứng N). Vắng mặt

- **Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1**. Địa chỉ: Số B đường số E, phường A, quận C, thành phố H. Vắng mặt

- **Ngân hàng TMCP Q** - Chi nhánh V. Địa chỉ: Số C đường L, phường T, quận G, thành phố H.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh H3 - chức vụ: Giám đốc THN Trực tiếp và XLN Vùng- Vùng Bắc Trung B- Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ VIB theo giấy uỷ quyền tham gia tố tụng số: 226369.24 ngày 23/10/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q và Giấy Uỷ quyền tham gia tố tụng số: 232921.24 ngày 23/10/2024 của Tổng Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ.

Đại diên theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Tiến H4 – chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; ông Lê Huy T2 – chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; ông Nguyễn Trung H5 – chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q và ông Hồ Xuân N1 – chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ liên lạc: Số A Đ, phường C, quận T, thành phố Đ (Theo giấy ủy quyền số 032066.25 ngày 19/02/2025 của Giám đốc THN Trực tiếp và XLN Vùng- Vùng Bắc Trung B- Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng V). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận S của bà Nguyễn Minh N. Tại bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền bà Lê Thị Thanh P trình bày:***

Ba mẹ của bà Nguyễn Minh N là ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Phương M nhờ bà N đứng tên hộ thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022 tại địa chỉ: Đường số I, tổ B, khu phố T, phường L, thành phố T, thành phố H. Khoảng cuối năm 2023, ông T bà M thoả thuận bán thửa đất nói trên cho ông Lê Minh H với giá 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Ngày 11/12/2023, ông Lê Minh H1 gọi điện báo cho bà N là Văn phòng C1, địa chỉ số B - B đường số E phường T, quận G, thành phố H đến tại nhà ông T bà M để ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Minh H. Tuy nhiên khi ký hợp đồng chuyển nhượng bà N thấy người mua không phải Lê Minh H mà là Lê Minh H1, bà N có hỏi thì ông T và ông H trả lời ông H là người mua nhưng để cho con mình là Lê Minh H1 đứng tên hộ. Người mua và trả tiền là ông H, bà N nhận thấy giống như trường hợp của mình đứng tên hộ thửa đất này cho ba mẹ nên không có ý kiến gì và ký vào hợp đồng chuyển nhượng.

Trong lúc ký kết thì giữa các bên có bàn bạc là ông T bà M bán cho ông H với giá 5.500.000.000 đồng nhưng hợp đồng chuyển nhượng ghi nhận các bên thoả thuận giá bán là 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng). Đồng thời ông T bà M cho ông H nợ số tiền 5.500.000.000 đồng. Lúc ký, ông H cam kết sau khi làm xong các thủ tục sang tên cải nghiệp, ông H vay Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh V. Địa chỉ: Số C đường L, phường T, quận G, thành phố H, đồng thời gom

tiền để trả cho ông T bà M. Tuy nhiên đến nay ông H chưa thanh toán số tiền nêu trên cho bà N hoặc ông T bà M.

Sau thời gian dài liên hệ, tìm gặp và yêu cầu trả số tiền bán đất nói trên nhưng phía ông H cũng như con của mình là ông H1 nhưng không có kết quả, bà N đã làm đơn khởi kiện tại TAND quận S để yêu cầu giải quyết: Buộc ông Lê Minh H và Lê Minh H1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Minh N.

Sau khi nộp đơn khởi kiện, ông H đã chuyển khoản cho bà M số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ. Trước đó, ông T có nợ ông H số tiền 500.000.000 đồng và vợ chồng ông T bà M xác định sẽ cấn trừ nợ số tiền này vào khoản tiền 5,5 tỷ đồng ông H mua đất. Vậy ông T và bà M xác nhận tổng số tiền ông H đã trả được cho ông T bà M là 600 triệu đồng. Số tiền ông H còn nợ khi mua đất là 4,9 tỷ đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà N yêu cầu ông H và ông H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N hoặc vợ chồng ông T bà mai số tiền 4,9 tỷ đồng nêu trên.

**** Tại phiên tòa ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ông H trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Phương M nên chúng tôi thỏa thuận mua và làm hợp đồng chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ: Đường số I, tổ B, khu phố T, phường L, thành phố T, thành phố H, thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022. Lô đất này đứng tên Nguyễn Minh N, là con gái của ông T bà M đứng tên dùm ông T bà M, chuyển nhượng sang cho con tôi là Lê Minh H1 (đứng tên dùm cho tôi). Thực tế việc chuyển nhượng đất nói trên Nguyễn Minh N và Lê Minh H1 không biết gì. Giá trị chuyển nhượng là 40.000.000 đồng/m2, tương đương 5.476.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bày mươi sáu triệu đồng). Tôi đã hứa sẽ trả số tiền nêu trên trong thời gian như sau: Khoảng tháng 3/2024, tôi sẽ trả trước số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Số tiền còn lại tôi sẽ trả dần trong vòng 04 đến 05 tháng sau. Nhưng vì kinh tế khó khăn nên tôi mới trả được 100.000.000 đồng chuyển qua số tài khoản của bà M.

Nay vợ chồng bà M cùng con gái kiện tôi yêu cầu tôi trả hết số tiền trên thì tôi có ý kiến như sau: Tôi thống nhất số tiền mua bán là 5.476.000.000 đồng là đúng, nhưng trừ đi số tiền tôi đã trả 100.000.000 đồng. Trong quá trình làm ăn chung, ông T có mượn tôi 500.000.000 đồng, vợ tôi chuyển khoản qua số tài khoản của anh T vào ngày 05/6/2023. Số tiền còn lại tôi sẽ trả cho vợ chồng anh T trong vòng 10 tháng, bắt đầu từ ngày 01/6/2024.

**** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T, bà M - ông Trần Văn H2 có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông H2 trình bày:***

Ông Nguyễn Minh T bà Huỳnh Phương M nhờ con gái là Nguyễn Minh N (sinh năm 2003) đứng tên hộ thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022 tại địa chỉ: Đường

số I, tổ B, khu phố T, phường L, thành phố T, thành phố H. Khoảng cuối năm 2023, ông T bà M thoả thuận bán thửa đất nói trên cho ông Lê Minh H với giá 5,5 tỷ đồng. Ngày 11/12/2023, anh Lê Minh H1 (là con trai của ông Lê Minh H, người đứng tên hộ cho ông H để mua thửa đất) gọi điện báo cho bà N là Văn phòng C1, địa chỉ số B - B đường số E phường T, quận G, thành phố H sẽ đến tại nhà của ông T bà M để ký Hợp đồng chuyển nhượng.

Vợ chồng ông T bà M và ông H bàn bạc chuyển nhượng với giá 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng) nhưng hợp đồng chuyển nhượng ghi nhận các bên thoả thuận giá bán là 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng). Đồng thời ông T bà M cho ông H nợ số tiền 5.500.000.000 đồng. Lúc ký ông H cam kết sau khi làm xong các thủ tục sang tên cải nghiệp, ông H vay Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh V. Địa chỉ: Số C đường L, phường T, quận G, thành phố H, đồng thời gom tiền để trả đủ. Tuy nhiên, ông H cũng như ông H1 chưa thanh toán bất kỳ một đồng nào từ tiền mua đất nói trên cho vợ chồng ông T bà M hay bà N mặc dù đã rất nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng ông H hết lần này đến lần khác cứ hẹn nhưng không chịu thanh toán số tiền 5,5 tỷ đồng như đã cam kết nói trên.

Vì vậy, bà N đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xem xét thụ lý giải quyết buộc ông Lê Minh H và Lê Minh H1 phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng), đây là số tiền bán thửa đất của ông T bà M nhờ bà N đứng tên hộ để bà N trả lại cho ba mẹ của chị N.

Ông H đã chuyển khoản cho bà M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trả nợ. Trước đó, ông T có nợ ông H số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và vợ chồng ông T bà M xác định sẽ cấn trừ nợ số tiền này vào khoản tiền 5.500.000.000 đồng ông H mua đất. Vậy ông T bà M xác nhận tổng số tiền ông H đã trả được cho ông T bà M là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Số tiền ông H còn nợ khi mua đất là 4.900.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm triệu đồng), yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm một lần cho vợ chồng ông T bà M số tiền còn nợ 4.900.000.000 đồng nêu trên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh V trình bày:***

VIB nhận được Thông báo 68/2024/TB.TA ngày 02/01/2025 về việc bổ sung thành phần tham gia tố tụng trong vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TB-TLVA ngày 01/04/2024 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh N và bị đơn ông Lê Minh H, ông Lê Minh H1 đang được Tòa án nhân dân (TAND) quận S, thành phố Đ thụ lý giải quyết.

Ngân hàng TMCP Q (V) cấp tín dụng cho ông Lê Minh H1 theo Hợp đồng tín dụng số 9621074.24 ngày 29/12/2023, số tiền V đã giải ngân cho ông Lê Minh H1 là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Tài sản bảo đảm (TSBĐ) cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 535, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Phường L, thành phố T, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DĐ872328, số vào sổ cấp GCN: CS 14002 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/07/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Minh H1 ngày 25/12/2023. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 000091, Quyển số:01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2, TP ., công chứng ngày 03/01/2024. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình xử lý thu hồi khoản vay: Khoản vay của ông Lê Minh H1 đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 10/8/2024. VIB đã đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Lê Minh H1 trả nợ tuy nhiên ông vẫn không thực hiện. Ngày 09/01/2025, V đã nộp đơn khởi kiện ông Lê Minh H1 đến TAND quận S, thành phố Đ đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Minh H1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2024 là: 3.598.638.556 đồng (Ba tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng), bao gồm: Nợ gốc là 3.441.668.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 152.755.664 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.214.892 đồng. Trường hợp ông Lê Minh H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi TSBĐ để thu hồi nợ và đã được TAND quận S, Thành phố Đ thụ lý giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 19/2025/TB-TLVA ngày 10/02/2025.

Theo như nội dung của Thông báo thụ lý vụ án số 68/2024/TB-TLVA ngày 01/04/2024 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh N và bị đơn ông Lê Minh H, ông Lê Minh H1 đang được Tòa án nhân dân (TAND) quận S, thành phố Đ thụ lý giải quyết, thì việc ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 có phát sinh giao dịch vay mượn tiền với ông Nguyễn Minh N, V không hề biết việc này và hiện nay V cũng đã khởi kiện ông Lê Minh H1 để yêu cầu trả nợ bằng một vụ án khác mà TAND quận S, thành phố Đ đã thụ lý theo thông báo số 19/2025/TB-TLVA ngày 10/02/2025 nêu trên.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1 và bị đơn ông Lê Minh H1:*** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có ý kiến trình bày của những người này trong hồ sơ vụ án.

***** Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, NCQLNVLQ: ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Phương M và Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện đúng,

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Riêng bị đơn và NCQLNVLQ Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1: mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản trình bày ý kiến là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

* Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 280 BLDS, đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Minh H, ông Lê Minh H1 phải trả một lần cho bà Nguyễn Minh N tổng số tiền là 4.900.000.000 đồng.

- Án phí DSST bị đơn ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp đòi tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Minh N với bị đơn ông Lê Minh H1 và ông Lê Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Minh H1, Lê Minh H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, ông H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Minh N thì vào ngày 11/12/2023, bà Nguyễn Minh N và ông Lê Minh H1 đã thống nhất với nhau về việc ký kết "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Bà N đồng ý bán cho ông H1 thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022 tại địa chỉ: Đường số I, tổ B, khu phố T, phường L, thành phố T, thành phố H với giá trị là 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, nguyên đơn bà N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T bà M đã căn cứ vào các tin nhắn trao đổi qua lại giữa các bên khi tiến hành ký kết hợp đồng nêu trên, thống nhất xác định số tiền thực tế mà ông H phải thanh toán theo thỏa thuận phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng là 5.500.000.000 đồng. Nhưng đến hiện nay ông H chỉ mới thanh toán 100.000.000 đồng và các bên cũng thống nhất đồng ý cấn trừ số tiền 500.000.000 đồng ông T nợ ông H vào số tiền cần thanh toán. Như vậy, ông H và ông H1 còn có nghĩa vụ

phải thanh toán cho bà N số tiền còn lại là 4.900.000.000 đồng. Nay bà N yêu cầu ông H và ông H1 phải trả lại số tiền trên.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Nguyễn Minh N, với bị đơn ông Lê Minh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 12 năm 2023 bà Nguyễn Minh N đã chuyển nhượng thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022 cho ông Lê Minh H1. Ông Lê Minh H1 và ông Lê Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Việc khởi kiện của bà N yêu cầu Tòa án buộc ông H và ông H1 trả số tiền 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng)* là có căn cứ, phù hợp với các Điều 117, 166, 274, 275, 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh N đối với ông H và ông H1.

HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh N đối với ông Lê Minh H1 và Lê Minh H. Buộc ông H1 và ông H phải trả cho bà Nguyễn Minh N số tiền 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng).*

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận S chuyển toàn bộ hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều Công an thành phố Đ yêu cầu làm rõ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với ông Lê Minh H1 và ông Lê Minh H.

Ngày 12/7/2024, Tòa án nhân dân quận S đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đề nghị làm rõ ông Lê Minh H, ông Lê Minh H1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Minh N hay không.

Ngày 08/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trả lời phúc đáp bằng Công văn số 5240 với nội dung: Quá trình xác minh, có cơ sở để xác định: "Vụ việc nêu trên là tranh chấp trong giao dịch dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hình sự." Do đó, Tòa án nhân dân quận S đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng Q trình bày về việc khởi kiện của bà Nguyễn Minh N đối với ông Lê Minh H1, Lê Minh H đã được Tòa án nhân dân quận S thụ lý theo thông báo thụ lý sô 68/2024/TB-TLVA ngày 01/4/2024 thì Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ông Lê Minh H1 đã thế chấp tài sản là thửa đất số 535, tờ bản đồ số 39, diện tích 136,9m2 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp ngày 01/7/2022 tại địa chỉ: Đường số I, tổ B, khu phố T, phường L, thành phố T, thành phố H, hiện nay ông Lê Minh H1 đã quá hạn thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện bằng một vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đã được Tòa án nhân dân quận S thụ lý số 19/2025/TB-TLVA ngày 10/02/2025.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh N được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H và ông H1 phải chịu là: 112.900.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu chín trăm ngàn đồng).*

Hoàn trả cho bà Nguyễn Minh N số tiền tạm ứng án phí 56.750.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0001924 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 117, 166, 274, 275, 280 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp đòi tài sản"* của bà Nguyễn Minh N đối với ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1.

1. Buộc ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 phải trả cho bà Nguyễn Minh N số tiền 4.900.000.000 đồng *(Bốn tỷ chín trăm triệu đồng).*

2. Án phí DS-ST: 112.900.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu chín trăm ngàn đồng)* ông Lê Minh H và ông Lê Minh H1 phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Minh N số tiền tạm ứng án phí 56.750.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0001924 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S, TP. ĐN;
- Chi cục THADS quận S, TP. ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
DƯƠNG THỊ KIM NHUNG